TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2025/HC-PT
Ngày: 26/9/2025
V/v:"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Dung

Các thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long

ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 81/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc: *"Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492b/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Nguyễn B, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (nay là xã C, thành phố Đà Nẵng). Xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trà Thị Thu T - Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: P, Tầng F, số B M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã C, thành phố Đà Nẵng;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã C, thành phố Đà Nẵng;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị D, sinh năm 1960;

+ Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; (nay là xã C, thành phố Đà Nẵng).

+ Bà Nguyễn Thị Lệ T2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng).

Xin xét xử vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Bút .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt:

*Người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn B- bà Dương Thị D được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp đất làm nhà ở, diện tích đất 200m^2, thửa số 12, tờ bản sồ số 02 tại xã T theo quyết định số 536/UBND ngày 21/7/1990. Sau khi được cấp đất ông B, bà D làm nhà ở trên đất. Năm 1993, ông B nhận chuyển nhượng nhà ở của ông Nguyễn Đình L (tại trí hiện nay gia đình ông B đang sinh sống) và chuyển đến sinh sống tại đây, diện tích đất 200m^2 được cấp, gia đình ông B vẫn tiếp tục sử dụng trồng hoa màu và các loại cây trồng khác.

Ngày 12/8/1998, hộ ông B được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 06 thửa đất gồm: Thửa số 1045a tờ bản đồ số 28, diện tích 672m^2 đất ở + đất vườn (vị trí đất nhận chuyển nhượng nhà ở của ông

Nguyễn Đình L); Thửa số 937 tờ bản đồ số 28, diện tích 260m^2 đất màu; các thửa đất lúa, thửa số 90, 93 tờ bản đồ số 27, thửa số 436, 437 tờ bản đồ số 28.

Ngày 11/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 8237/QĐ-UBND phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã T, huyện P *(Dự án mở rộng Trụ sở UBND xã T)*. Cùng ngày Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 8236/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 330m^2 của hộ ông Nguyễn B, gồm: 200m^2 đất ở nông thôn, thửa số 12 tờ bản đồ số 00 và 130m^2 đất trồng cây lâu năm, thửa số 937, tờ bản đồ số 28, tại xã T, huyện P. Theo đó, ông hộ Bút được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền đối với 130m^2 đất trồng cây lâu năm của thửa số 937, tờ bản đồ số 28, ông B đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Đối với 200m^2 đất ở nông thôn, thửa số 12 tờ bản đồ số 00 (theo quyết định thu hồi), Ủy ban nhân dân huyện P không phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và Giao cho Ủy ban nhân dân xã T bồi thường bằng hình thức bố trí 01 lô đất ở thay thế diện tích đất ở đã thu hồi của hộ ông Nguyễn B (đất ở đổi đất ở), lập thủ tục cắm mốc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất cho hộ ông Nguyễn Bút . Ngày 12/10/2016, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành cắm mốc giao đất cho hộ ông B tại thửa đất (lô đất) số 04, Khu dân cư trường M (cũ) diện tích 208m^2.

Trong quá trình ông B lập thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng diện tích đất 200m^2 thu hồi của hộ ông B đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/1998 tại thửa đất số 937 tờ bản đồ số 28, diện tích 260m^2, loại đất màu nên Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành các quyết định điều chỉnh các quyết định liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất này của hộ ông B, cụ thể:

- Ngày 24/3/2023, ban hành quyết định số 578/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn B, theo đó Ủy ban nhân dân huyện P hủy nội dung thu hồi diện tích 200m^2, thửa số 12, tờ bản đồ số 00, loại đất ở nông thôn tại Điều 1 Quyết định số 8236/QĐ-UBND ngày 11/12/2014; hủy khoản 7, Điều 1 Quyết định số 8237/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Ngày 30/8/2023, ban hành quyết định số 2102/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Trụ sở UBND xã T, theo đó, Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi diện tích 200m^2, thửa số 937 tờ bản đồ số 28, loại đất trồng cây hằng năm của hộ ông B.

- Ngày 08/9/2023, ban hành quyết định số 2218/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông B, theo đó hộ ông bút được bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với diện tích đất 200m^2 bị thu hồi, số tiền 37.400.000 đồng.

Không đồng ý với các quyết định 578/QĐ-UBND, 2102/QĐ-UBND, 2218/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện P, ông B khiếu nại yêu cầu phải xác định 200m^2 đất bị thu hồi là đất ở nông thôn và giải quyết bố trí tái định cư cho hộ ông tại Khu tái định cư Trường M (cũ) theo hình thức đất ở đổi đất ở. Ngày 16/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định số 93/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông B, xác định thửa đất được thu hồi của ông B đã được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/8/1998 tại thửa đất số 937, tờ bản đồ số 28, diện tích 269m^2, loại đất màu nên không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông B. Ông B tiếp tục khiếu nại thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q giải quyết khiếu nại lần hai tại quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông B.

Ông B cho rằng diện tích đất 200m^2 bị thu hồi để thực hiện dự án Mở rộng trụ sở làm việc HĐND – UBND xã T có nguồn gốc là đất ở, do Ủy ban nhân dân thị xã T (cũ) giao đất cho hộ ông làm nhà ở tại Quyết định số 536/QĐUB ngày 21/7/1990. Đồng thời, tại thời điểm thu hồi đất năm 2014, Ủy ban nhân dân xã T cam kết thực hiện phương thức đất đổi đất và đã thực hiện việc cắm mốc bàn giao đất tái định cư cho hộ ông tại lô đất số 04, Khu dân cư trường M (cũ) với diện tích 208m^2. Khi thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện P ban hành các quyết định điều chỉnh việc thu hồi đất, xác định diện tích đất 200m^2 là loại đất màu để bị thu hồi, bồi thường dẫn đến hộ gia đình ông không được tiếp tục bố trí tái định cư là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, ngày 04/10/2024 ông B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc huỷ bỏ các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T và phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện dự án mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã T (Quyết định số 578);

- Huỷ Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Công trình mở rộng Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND - UBMTTTQVN xã T. Địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (Quyết định số 2102);

- Huỷ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông (bà) Nguyễn B, trú tại

xã T, huyện P để GPMB đầu tư xây dựng công trình Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã T (Quyết định số 2218);

- Hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (lần đầu); (Quyết định số 93)

- Hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (lần hai); (Hủy Quyết định số 1070)

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết tái định cư 01 lô đất ở, diện tích 208 m² tại Khu tái định cư Trường M (cũ) cho ông Nguyễn B, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ T2 (thành viên của hộ gia đình ông Nguyễn B) theo quy định của pháp luật.

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P trong suốt quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

*Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, bởi lẽ: Diện tích đất 200m^2 hộ ông B bị thu hồi được Ủy ban nhân dân thị xã T (cũ) giao đất để làm nhà ở tại quyết định số 536/QĐUB ngày 21/7/1990 và có nhà ở trên diện tích đất này. Tuy nhiên, năm 1993 ông B di chuyển chổ ở sau khi mua lại nhà ở của ông Nguyễn Đình L. Sau đó, ông B kê khai đăng ký đất đai theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp đối với thửa đất số 12 tờ bản đồ 00 (được chỉnh lý thành thửa đất số 937 tờ bản đồ số 28) là loại đất màu và đăng ký thửa đất đã mua của ông Nguyên Đình L1 tại thửa 1045a là đất ở + vườn. Năm 1998, hộ ông Nguyễn B được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó thửa đất 937 được cấp Giấy chứng nhận với mục đích sử dụng là đất màu, ông B không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Mặc khác, tại thời điểm thu hồi đất năm 2014, thửa đất số 937 tờ bản đồ số 28, Ủy ban nhân dân xã T và Ban N đều xác nhận không có nhà ở trên đất. Diện tích đất này được ông Nguyễn B sử dụng vào việc trồng keo lá tràm, trồng chuối và trồng dừa là phù hợp với việc kê khai đăng ký đất đai theo hồ sơ địa chính thực hiện Nghị định số 64/CP. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013 xác định loại đất thu hồi là đất màu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là đúng pháp luật. Vì vậy, việc ban hành các Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 24/3/2023, số 2102/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 và số 2218/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện P là đúng

quy định pháp luật. Từ đó, việc giải quyết khiếu nại lần đầu tại quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và giải quyết khiếu nại lần 2 tại quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông B là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 12/62025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B về việc:

- Huỷ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc huỷ bỏ các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T và phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB thực hiện dự án mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã T;

- Huỷ Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Công trình mở rộng Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND - UBMTTTQVN xã T. Địa điểm: xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông (bà) Nguyễn B, trú tại xã T, huyện P để GPMB đầu tư xây dựng công trình Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã T;

- Hủy Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, trú tại thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết tái định cư 01 lô đất ở, diện tích 208 m² tại Khu tái định cư Trường M (cũ) cho ông Nguyễn B, bà Dương Thị D, ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị Lệ T2 (thành viên của hộ gia đình ông Nguyễn B) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 19/6/2025, người khởi kiện ông Nguyễn B có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến người kháng cáo: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định tố tụng;

Về nội dung: đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn B, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Diện tích đất 200m^2 hộ ông B bị thu hồi có nguồn gốc được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp đất không thu tiền sử dụng đất cho ông B và bà D theo Quyết định số 536/QĐ-UB ngày 21/7/1990, với mục đích xây dựng nhà ở. Sau khi được cấp đất ông B, bà D có làm nhà ở trên đất. Để thực hiện Dự án mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã T, huyện P thì diện tích 200m^2 đất này ông Nguyễn B bị thu hồi, bồi thường hỗ trợ theo Quyết định số 8236/QĐ-UBND, Quyết định số 8237/QĐ-UBND cùng ngày 11/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện P. Sau đó, trong quá trình thực hiện bồi thường thì năm 2023, UBND huyện P xác định diện tích đất 200m^2 là đất trồng cây hằng năm nên ban hành các Quyết định số 578; Quyết định số 2102, Quyết định số 2218 liên quan đến việc hủy bỏ, thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất 200m^2. Không đồng ý, ông B khiếu nại và không được chấp nhận, do đó ông B khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính liên quan đến diện tích đất 200m^2.

[2.2] Năm 1993, ông B nhận chuyển nhượng nhà ở của ông Nguyễn Đình L (tại trí hiện nay gia đình ông B đang sinh sống) và chuyển đến sinh sống tại đây. Diện tích đất 200m^2 được cấp, gia đình ông B tiếp tục sử dụng trồng hoa màu và các loại cây trồng khác.

[2.3] Theo hồ sơ đăng ký đất đai lập theo Nghị định 64/CP diện tích 200m^2 thuộc thửa đất số 937, tờ bản đồ số 28, loại đất màu do ông B đứng tên kê khai; ông B kê khai đất ở tại thửa đất số 1045a, tờ bản đồ số 28. Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã T cấp cho hộ ông Nguyễn B ngày 12/8/1998 có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00355 QSDĐ/491/QĐUB, thể hiện: đất ở + đất vườn có diện tích 672 m^2 tại thửa đất số 1045a, tờ bản đồ số 28;

thửa đất 937, diện tích 260m^2, có mục đích sử dụng là đất màu; một số thửa đất có mục đích sử dụng: lúa .

[2.4] Như vậy, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận năm 1998, hộ ông B được cấp đất ở tại thửa đất số 1045a; nên Ủy ban nhân dân huyện P đã xác định diện tích đất 200m^2, thửa số 12 tờ bản đồ số 00, hộ ông B được cấp đất tại quyết định số 536/QĐUB ngày 21/7/1990 của Ủy ban nhân dân thị xã T, nay thuộc một phần thửa đất số 937, tờ bản đồ số 28 với loại đất màu để thu hồi, bồi thường là đúng quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật đất đai 2013.

[2.5] Việc ông B cho rằng diện tích đất này, gia đình ông được Ủy ban nhân dân thị xã T cấp đất với mục đích đất ở nên phải được xác định loại đất ở để thu hồi, bồi thường là không có căn cứ, bởi lẽ, theo khoản 3 Điều 11 Luật đất đai 2013, thì việc xác định loại đất theo quyết định giao đất chỉ áp dụng đối với trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận.

[2.6] Như nêu tại tiểu mục [2.2], tại thời điểm thu hồi đất, hộ ông B không sinh sống trên diện tích đất này, chỉ trồng hoa màu và tại tiểu mục [2.4] hộ ông đã được cấp đất ở tại thửa đất số 1045a. Diện tích 200m^2 đất bị thu hồi là đất màu được kê khai, cấp Giấy chứng nhận tại thửa đất số 937, tờ bản đồ số 28 nên việc ông Nguyễn B yêu cầu bồi thường bằng việc giao đất ở tái định cư là không có căn cứ.

[3] Từ các phân tích trên và tại giai đoạn phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới nên không chấp nhận, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: ông Nguyễn B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 50/2025/HC-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (này là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) về việc "*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

2. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn B được miễn.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VCT&XXPT tại Đà Nẵng ;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung